

NỘI DUNG TRUYỀN THÔNG

Quyết định Sửa đổi, bổ sung một số điều của Quyết định số 103/2025/QĐ-UBND ngày 30/12/2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh về phân cấp thẩm quyền quyết định tiêu chuẩn, định mức sử dụng máy móc, thiết bị tại các cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc phạm vi quản lý của ủy ban nhân dân tỉnh Lai Châu

I. SỰ CẦN THIẾT BAN HÀNH VĂN BẢN

1. Cơ sở chính trị, pháp lý

Ngày 09/3/2026, Thủ tướng Chính phủ ban hành Quyết định số 10/2026/QĐ-TTg sửa đổi, bổ sung Quyết định số 15/2025/QĐ-TTg ngày 14/6/2025 quy định tiêu chuẩn, định mức sử dụng máy móc, thiết bị. Theo đó, có các điểm mới sau:

(1) Bổ sung quy định về máy móc, thiết bị đầu cuối cơ bản phục vụ công việc thường xuyên trên môi trường số¹.

(2) Bổ sung quy định về tiêu chuẩn, định mức sử dụng máy móc, thiết bị phục vụ công tác bí mật nhà nước trên môi trường số².

(3) Thay thế Phụ lục quy định tiêu chuẩn, định mức sử dụng máy móc, thiết bị ban hành kèm theo Quyết định số 15/2025/QĐ-TTg³.

2. Cơ sở thực tiễn

¹ Điểm a khoản 1 Điều 1: “.....Đối với máy móc, thiết bị đầu cuối cơ bản phục vụ công việc thường xuyên trên môi trường số quy định tại Mục C Phụ lục ban hành kèm theo Quyết định này, căn cứ chức năng, nhiệm vụ, tính chất công việc, nhu cầu sử dụng và khả năng nguồn kinh phí được phép sử dụng, cơ quan, người có thẩm quyền quy định tại khoản 3 Điều 4 Quyết định này (bao gồm cơ quan, người được phân cấp thẩm quyền quyết định) quyết định số lượng và mức giá; mức giá phù hợp với giá mua trên thị trường của chủng loại máy móc, thiết bị tương ứng”.

² Khoản 3 Điều 1:

“1. Đối với các chức danh tại các cơ quan, tổ chức, đơn vị mà theo chức năng, nhiệm vụ được giao phải thường xuyên xử lý công việc có nội dung thuộc phạm vi bí mật nhà nước, ngoài việc được trang bị máy móc, thiết bị quy định tại Mục A Phụ lục ban hành kèm theo Quyết định này thì được trang bị máy móc, thiết bị quy định tại Mục D Phụ lục ban hành kèm theo Quyết định này; cơ quan, người có thẩm quyền quy định tại khoản 3 Điều 4 Quyết định này (bao gồm cơ quan, người được phân cấp thẩm quyền quyết định) căn cứ vào khối lượng, tính chất của công việc chứa bí mật nhà nước để quyết định số lượng máy móc, thiết bị trang bị cho các chức danh để phục vụ công tác bảo vệ bí mật nhà nước.

2. Đối với các trường hợp còn lại, căn cứ chức năng, nhiệm vụ, tính chất, mức độ bí mật của công việc theo quy định của pháp luật về bảo vệ bí mật nhà nước, nhu cầu sử dụng, cơ quan, người có thẩm quyền quy định tại khoản 3 Điều 4 Quyết định này (bao gồm cơ quan, người được phân cấp thẩm quyền quyết định) quyết định số lượng máy móc, thiết bị quy định tại Mục D Phụ lục ban hành kèm theo Quyết định này cho các chức danh hoặc tại phòng làm việc của các đơn vị thuộc phạm vi quản lý để phục vụ công tác bảo vệ bí mật nhà nước.

3. Mức giá của máy móc, thiết bị quy định tại Mục D Phụ lục ban hành kèm theo Quyết định này là mức giá máy móc, thiết bị quy định tại Mục A, Mục B Phụ lục ban hành kèm theo Quyết định này. Trường hợp cơ quan chủ trì triển khai xử lý hồ sơ công việc chứa bí mật nhà nước trên môi trường số yêu cầu trang bị máy móc, thiết bị (từ số thứ tự 1 đến số thứ tự 6) có yêu cầu về tính năng, dung lượng, cấu hình mà có mức giá cao hơn và trường hợp trang bị máy móc, thiết bị tại số thứ tự 7, số thứ tự 8 Mục D Phụ lục ban hành kèm theo Quyết định này thì mức giá do cơ quan, người có thẩm quyền quy định tại khoản 3 Điều 4 Quyết định này (bao gồm cơ quan, người được phân cấp thẩm quyền quyết định) quyết định phù hợp với giá mua trên thị trường của chủng loại máy móc, thiết bị tương ứng”.

³ Điểm b khoản 2 Điều 2:

“b) Thay thế cụm từ “Mục A Phụ lục I, Mục A Phụ lục II ban hành kèm theo Quyết định này” bằng cụm từ “Mục A, Mục C, Mục D Phụ lục ban hành kèm theo Quyết định này” tại khoản 1 Điều 4”.

UBND tỉnh đã ban hành Quyết định số 103/2025/QĐ-UBND ngày 30/12/2025 về phân cấp thẩm quyền quyết định tiêu chuẩn, định mức sử dụng máy móc, thiết bị tại các cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc phạm vi quản lý của UBND tỉnh Lai Châu. Đối chiếu với quy định tại Quyết định số 10/2026/QĐ-TTg (*Sửa đổi, bổ sung Quyết định số 15/2025/QĐ-TTg*), cần sửa đổi, bổ sung một số nội dung của Quyết định số 103/2025/QĐ-UBND để bảo đảm tính thống nhất, đồng bộ trong tổ chức thực hiện.

Do đó, việc ban hành Quyết định sửa đổi, bổ sung một số điều của Quyết định số 103/2025/QĐ-UBND là cần thiết.

II. MỤC ĐÍCH BAN HÀNH, QUAN ĐIỂM XÂY DỰNG DỰ THẢO QUYẾT ĐỊNH

1. Mục đích ban hành

Nhằm kịp thời triển khai thực hiện Quyết định số 10/2026/QĐ-TTg ngày 09/3/2026 của Thủ tướng Chính phủ; phân định rõ thẩm quyền quyết định tiêu chuẩn, định mức sử dụng máy móc, thiết bị giữa các cơ quan, tổ chức, đơn vị và Chủ tịch UBND cấp xã; tạo cơ sở pháp lý cho việc quản lý, sử dụng tài sản công tiết kiệm, hiệu quả, đúng quy định.

2. Quan điểm xây dựng dự thảo Quyết định

Bảo đảm tuân thủ quy định của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật và các văn bản hướng dẫn thi hành; đúng thẩm quyền, trình tự, thủ tục ban hành văn bản; bảo đảm tính hợp hiến, hợp pháp, thống nhất, đồng bộ với hệ thống pháp luật hiện hành.

III. BỐ CỤC VÀ NỘI DUNG CƠ BẢN CỦA DỰ THẢO QUYẾT ĐỊNH

1. Bố cục của dự thảo Quyết định

Dự thảo Quyết định được soạn thảo theo mẫu số 23 Phụ lục III ban hành kèm theo Nghị định số 187/2025/NĐ-CP ngày 01/7/2025 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 78/2025/NĐ-CP ngày 01/4/2025 của Chính phủ. Dự thảo Quyết định được thiết kế thành 03 Điều.

2. Nội dung cơ bản của dự thảo Quyết định

2.1. Bổ sung một số điều của Quyết định số 103/2025/QĐ-UBND ngày 30/12/2025 của UBND tỉnh về phân cấp thẩm quyền quyết định tiêu chuẩn, định mức sử dụng máy móc, thiết bị tại các cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc phạm vi quản lý của ủy ban nhân dân tỉnh Lai Châu (**Điều 1**)

(1). Bổ sung một số điểm của khoản 1 Điều 1 như sau:

a) Bổ sung điểm d như sau: “d) Máy móc, thiết bị đầu cuối cơ bản phục vụ công việc thường xuyên trên môi trường số”.

b) Bổ sung điểm đ như sau: “đ) Máy móc, thiết bị phục vụ công tác bí mật nhà nước trên môi trường số”.

(2). Bổ sung Điều 3a vào sau Điều 3 như sau:

“Điều 3a. Phân cấp thẩm quyền quyết định số lượng và mức giá sử dụng máy móc, thiết bị đầu cuối cơ bản phục vụ công việc thường xuyên trên môi

trường số quy định tại Mục C phụ lục ban hành kèm theo Quyết định số 10/2026/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ

1. Các cơ quan, tổ chức, đơn vị cấp tỉnh là đơn vị dự toán cấp I quyết định số lượng và mức giá máy móc, thiết bị đầu cuối cơ bản phục vụ công việc thường xuyên trên môi trường số tại đơn vị mình và các cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc phạm vi quản lý.

2. Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã quyết định số lượng và mức giá máy móc, thiết bị đầu cuối cơ bản phục vụ công việc thường xuyên trên môi trường số đối với các cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc cấp xã quản lý.

3. Việc quyết định số lượng và mức giá máy móc, thiết bị quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều này phải phù hợp với chức năng nhiệm vụ, tính chất công việc, nhu cầu sử dụng, khả năng nguồn kinh phí được phép sử dụng, mức giá phù hợp với giá mua trên thị trường của chủng loại máy móc, thiết bị tương ứng và hướng dẫn của Bộ Khoa học và Công nghệ về yêu cầu kỹ thuật cơ bản, cấu hình tối thiểu của máy móc, thiết bị”.

(3). Bổ sung Điều 5a vào sau Điều 5 như sau:

“Điều 5a. Phân cấp thẩm quyền quyết định số lượng và mức giá sử dụng máy móc, thiết bị phục vụ công tác bí mật nhà nước trên môi trường số

1. Đối với các chức danh tại các cơ quan, tổ chức, đơn vị mà theo chức năng, nhiệm vụ được giao phải thường xuyên xử lý công việc có nội dung thuộc phạm vi bí mật nhà nước, ngoài việc được trang bị máy móc, thiết bị quy định tại Mục A Phụ lục ban hành kèm theo Quyết định 10/2026/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ thì được trang bị máy móc, thiết bị quy định tại Mục D Phụ lục ban hành kèm theo Quyết định số 10/2026/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ. Căn cứ khối lượng, tính chất của công việc chứa bí mật nhà nước, cơ quan, tổ chức, đơn vị cấp tỉnh là đơn vị dự toán cấp I và Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã quyết định số lượng máy móc, thiết bị trang bị cho các chức danh để phục vụ công tác bảo vệ bí mật nhà nước tại đơn vị mình và các cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc phạm vi quản lý.

2. Đối với các trường hợp còn lại, căn cứ chức năng, nhiệm vụ, tính chất, mức độ bí mật của công việc theo quy định của pháp luật về bảo vệ bí mật nhà nước, nhu cầu sử dụng, cơ quan, tổ chức, đơn vị cấp tỉnh là đơn vị dự toán cấp I và Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã quyết định số lượng máy móc, thiết bị quy định tại Mục D Phụ lục ban hành kèm theo Quyết định số 10/2026/QĐ-TTg cho các chức danh hoặc tại phòng làm việc của các đơn vị thuộc phạm vi quản lý để phục vụ công tác bảo vệ bí mật nhà nước.

3. Mức giá của máy móc, thiết bị quy định tại Mục D Phụ lục ban hành kèm theo Quyết định số 10/2026/QĐ-TTg là mức giá máy móc, thiết bị quy định tại Mục A, Mục B Phụ lục ban hành kèm theo Quyết định số 10/2026/QĐ-TTg. Trường hợp cơ quan chủ trì triển khai xử lý hồ sơ công việc chứa bí mật nhà nước trên môi trường số yêu cầu trang bị máy móc, thiết bị (từ

số thứ tự 1 đến số thứ tự 6) có yêu cầu về tính năng, dung lượng, cấu hình mà có mức giá cao hơn mức giá tại Mục A, B Phụ lục ban hành kèm theo Quyết định số 10/2026/QĐ-TTg và trường hợp trang bị máy móc, thiết bị tại số thứ tự 7, số thứ tự 8 Mục D Phụ lục ban hành kèm theo Quyết định số 10/2026/QĐ-TTg thì mức giá do cơ quan, tổ chức, đơn vị cấp tỉnh là đơn vị dự toán cấp I và Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã quyết định phù hợp với giá mua trên thị trường của chủng loại máy móc, thiết bị tương ứng đối với đơn vị mình và các cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc phạm vi quản lý.”.

2.2. Bổ sung, thay thế một số cụm từ của Quyết định số 103/2025/QĐ-UBND ngày 30/12/2025 của UBND tỉnh về phân cấp thẩm quyền quyết định tiêu chuẩn, định mức sử dụng máy móc, thiết bị tại các cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc phạm vi quản lý của ủy ban nhân dân tỉnh Lai Châu (**Điều 2**)

(1). Bổ sung cụm từ “được sửa đổi bổ sung bởi Quyết định số 10/2026/QĐ-TTg” vào sau cụm từ “Quyết định số 15/2025/QĐ-TTg ngày 14 tháng 6 năm 2025 của Thủ tướng Chính phủ” tại khoản 2 Điều 1.

(2). Thay thế cụm từ “Mục A Phụ lục II ban hành kèm theo Quyết định số 15/2025/QĐ-TTg” bằng cụm từ “Mục A Phụ lục kèm theo Quyết định số 10/2026/QĐ-TTg” tại Điều 3, Điều 4.

IV. DỰ KIẾN NGUỒN LỰC, ĐIỀU KIỆN ĐẢM BẢO CHO VIỆC THI HÀNH VĂN BẢN VÀ THỜI GIAN TRÌNH BAN HÀNH

1. Dự kiến nguồn lực, điều kiện đảm bảo cho việc thi hành Quyết định

Quyết định của Ủy ban nhân dân tỉnh sau khi ban hành không làm phát sinh tổ chức bộ máy, biên chế, kinh phí thực hiện. Các cơ quan, tổ chức, đơn vị sử dụng nguồn nhân lực, cơ sở vật chất và kinh phí được giao hằng năm để tổ chức triển khai thực hiện; bảo đảm việc quản lý, sử dụng máy móc, thiết bị đúng tiêu chuẩn, định mức, tiết kiệm, hiệu quả và phù hợp với quy định của pháp luật về quản lý, sử dụng tài sản công.

2. Dự kiến thời gian ban hành: Tháng 9 năm 2026.